BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Số: 59 /TB-TTTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026

THÔNG BÁO
Lựa chọn tổ chức bán đấu giá

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 179/QĐ-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước về việc phê duyệt giá khởi điểm tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00000026/QĐ-XPHC;

Căn cứ Quyết định số 180/QĐ-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước về việc phê duyệt giá khởi điểm tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00000027/QĐ-XPHC;

Căn cứ Quyết định số 181/QĐ-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước về việc phê duyệt giá khởi điểm tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00010009/QĐ-XPHC;

Căn cứ Quyết định số 182/QĐ-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước về việc phê duyệt giá khởi điểm tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00010001/QĐ-XPHC;

Căn cứ Quyết định số 183/QĐ-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước về việc phê duyệt giá khởi điểm tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00000015/QĐ-XPHC;

Căn cứ Quyết định số 184/QĐ-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước về việc phê duyệt giá khởi điểm tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00000019/QĐ-XPHC;

Căn cứ Quyết định số 185/QĐ-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước về việc phê duyệt giá khởi điểm tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69000112/QĐ-XPHC;

Căn cứ Quyết định số 186/QĐ-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước về việc phê duyệt giá khởi điểm tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00010014/QĐ-XPHC;

Căn cứ Quyết định số 187/QĐ-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước về việc phê duyệt giá khởi điểm tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00010037/QĐ-XPHC;

Căn cứ Quyết định số 188/QĐ-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước về việc phê duyệt giá khởi điểm tài sản bán đấu giá tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00000029/QĐ-XPHC.

Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản với nội dung như sau:

1. Tên, địa chỉ đơn vị có tài sản đấu giá:

Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước

Địa chỉ: Số 91 Đinh Tiên Hoàng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 02438255868

2. Tài sản đấu giá và giá khởi điểm:

2.1. Lô số 01:

- Tài sản gồm: 5.700 kg (tương ứng 114 bao) đường cát (đường tinh luyện), xuất xứ Thái Land, chưa qua sử dụng, không có hóa đơn chứng từ (chi tiết danh mục tài sản tại Phụ lục 1).

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00000026/QĐ-XPHC ngày 14 tháng 10 năm 2025 của Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước.

- Giá khởi điểm theo Quyết định số 179/QĐ-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước là: 74.100.000 đồng *(Bảy mươi tư triệu một trăm nghìn đồng chẵn)*.

2.2. Lô số 02:

- Tài sản gồm có: 9.016 kg (tương ứng 365 bao) đường cát, chưa qua sử dụng, không có hóa đơn chứng từ (chi tiết danh mục tài sản tại Phụ lục 2).

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00000027/QĐ-XPHC ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước.

- Giá khởi điểm theo Quyết định số 180/QĐ-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước: 117.208.000 đồng *(Một trăm mười bảy triệu hai trăm linh tám nghìn đồng chẵn)*.

2.3. Lô số 03:

- Tài sản gồm: 250 kg (tương ứng 05 bao) đường cát xuất xứ Thái Lan, chưa qua sử dụng, không có hóa đơn chứng từ (chi tiết danh mục tài sản tại Phụ lục 3).

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00010001/QĐ-XPHC ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý thị trường.

- Giá khởi điểm theo Quyết định số 182/QĐ-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước: 3.250.000 đồng *(Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)*.

2.4. Lô số 04:

- Tài sản gồm có: 105.260 kg vải cuộn là dạng thun, vải dệt kim, vải dệt các loại (chi tiết danh mục tài sản tại Phụ lục 4).

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00010009/QĐ-XPHC ngày 30 tháng 10 năm 2025 của Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý thị trường.

- Giá khởi điểm theo Quyết định số 181/QĐ-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước: 1.073.652.000 đồng *(Một tỷ không trăm bảy mươi ba triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng chẵn)*.

2.5. Lô số 05:

- Tài sản gồm có: 176 đơn vị sản phẩm các loại không rõ nguồn gốc xuất xứ, chưa qua sử dụng, không rõ chất lượng (chi tiết danh mục tài sản tại Phụ lục 5).

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00000015/QĐ-XPHC ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước.

- Giá khởi điểm theo Quyết định số 183/QĐ-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước: 15.890.000 đồng *(Mười năm triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng chẵn)*.

2.6. Lô số 06:

- Tài sản gồm có: 110 đơn vị sản phẩm các loại (trong đó: 10 đơn vị sản phẩm máy móc đã qua sử dụng; 100 đơn vị sản phẩm chưa qua sử dụng) (chi tiết danh mục tài sản tại Phụ lục 6).

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00000019/QĐ-XPHC ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước.

- Giá khởi điểm theo Quyết định số 184/QĐ-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước: 103.250.000 đồng *(Một trăm linh ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)*.

2.7. Lô số 07:

- Tài sản gồm có: 2.320 đơn vị sản phẩm phụ tùng xe máy các loại, không nhãn hiệu, không rõ nguồn gốc, xuất xứ, chưa qua sử dụng (chi tiết danh mục tài sản tại Phụ lục 7).

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 69000112/QĐ-XPHC ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Cục trưởng Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường.

- Giá khởi điểm theo Quyết định số 185/QĐ-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước: 77.575.000 đồng *(Bảy mươi bảy triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn)*.

2.8. Lô số 08:

- Tài sản gồm có: 67 đơn vị sản phẩm cục lạnh máy lạnh, cục nóng máy lạnh và máy giặt các loại (chi tiết danh mục tài sản tại Phụ lục 8).

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00000029/QĐ-XPHC ngày 22 tháng 12 năm 2025 của Cục trưởng Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước.

- Giá khởi điểm theo Quyết định số 188/QĐ-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước: 384.000.000đồng *(Ba trăm tám mươi tư triệu đồng chẵn)*.

2.9. Lô số 09:

- Tài sản gồm có: 39 động cơ máy nổ (Động cơ đốt trong kiểu Piston cháy do nén - sử dụng nhiên liệu Diesel), không nhãn hiệu, đã qua sử dụng, không rõ nguồn gốc xuất xứ (chi tiết danh mục tài sản tại Phụ lục 8).

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00010014/QĐ-XPHC ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý thị trường.

- Giá khởi điểm theo Quyết định số 186/QĐ-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước: 230.100.000 đồng *(Hai trăm ba mươi triệu một trăm nghìn đồng chẵn)*.

2.10. Lô số 10:

- Tài sản gồm có: 41 đơn vị sản phẩm động cơ máy nổ, dàn xới các loại, đã qua sử dụng, không rõ chất lượng (chi tiết danh mục tài sản tại Phụ lục 8).

- Được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 00010037/QĐ-XPHC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Trưởng phòng Nghiệp vụ Quản lý thị trường.

- Giá khởi điểm theo Quyết định số 187/QĐ-TTTN ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước: 238.700.000 đồng *(Hai trăm ba mươi tám triệu bảy trăm nghìn đồng chẵn).*

Bán đấu giá riêng từng lô đối với các lô số 4,5,6,7; bán đấu giá gộp các lô số 1,2,3 và các lô số 8,9,10. Phương thức trả giá lên, khách hàng tự chịu mọi chi phí phát sinh trong vận chuyển, bốc xếp hàng hóa và các thủ tục cần thiết theo quy định để hàng hóa lưu thông trên thị trường.

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản

Tiêu chí lựa chọn đơn vị thực hiện cuộc đấu giá tài sản căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 56 của Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi, bổ sung theo khoản 36, các điểm a, b, e, i khoản 45, điểm h khoản 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản, Điều 33 của Thông tư 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15

Hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá do tổ chức đấu giá tài sản chuẩn bị, có dấu xác nhận của tổ chức đấu giá tài sản. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản tự chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin trong hồ sơ tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản.

Bảng điểm tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá:

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	**Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố**	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
II	**Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá**	**19,0**
1.	***Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá***	***10,0***
1.1	*Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện*	*5,0*

	tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	
1.2	*Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện*	*5,0*
2.	***Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá***	*5,0*
2.1	*Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)*	*2,0*
2.2	*Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)*	*3,0*
3.	***Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên*** ***Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp***	***2,0***
4.	***Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến***	***1,0***
5.	***Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá***	***1,0***
III	**Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả** *(Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)*	**16,0**
1.	***Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao***	***4,0***
1.1	*Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả*	*2,0*
1.2	*Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả*	*2,0*
2.	***Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)***	***4,0***
3.	***Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá***	***4,0***
3.1	*Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật*	*2,0*
3.2	*Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá*	*2,0*
4.	***Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá***	***4,0***
IV	**Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản**	**57,0**
1.	***Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)*** Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	***15,0***

1.1	*Dưới 20 cuộc đấu giá*	*12,0*
1.2	*Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá*	*13,0*
1.3	*Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá*	*14,0*
1.4	*Từ 70 cuộc đấu giá trở lên*	*15,0*
2.	***Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề*** Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	***7,0***
2.1	*Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)*	*4,0*
2.2	*Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành*	*5,0*
2.3	*Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành*	*6,0*
2.4	*Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên*	*7,0*
3.	***Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề*** (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	***7,0***
3.1	*Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)*	*4,0*
3.2	*Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc*	*5,0*
3.3	*Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc*	*6,0*
3.4	*Từ 50 cuộc trở lên*	*7,0*
4.	***Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên*** (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	***3,0***
4.1	*Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm*	*3,0*
4.2	*Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:* *Số điểm của B = (U x 3)/Y*	
4.3	*Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = (V x 3)/Y*	
5.	***Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm***	***7,0***

	có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
5.1	*Có thời gian hoạt động dưới 05 năm*	*4,0*
5.2	*Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm*	*5,0*
5.3	*Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm*	*6,0*
5.4	*Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên*	*7,0*
6.	***Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản*** Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	***4,0***
6.1	*01 đấu giá viên*	*2,0*
6.2	*Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên*	*3,0*
6.3	*Từ 05 đấu giá viên trở lên*	*4,0*
7.	***Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)*** Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	***4,0***
7.1	*Dưới 05 năm*	*2,0*
7.2	*Từ 05 năm đến dưới 10 năm*	*3,0*
7.3	*Từ 10 năm trở lên*	*4,0*
8.	***Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề*** Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	***5,0***
8.1	*Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên*	*3,0*
8.2	*Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên*	*4,0*
8.3	*Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên*	*5,0*
9.	***Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh***	5,0

	nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
9.1	*Dưới 50 triệu đồng*	*3,0*
9.2	*Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng*	*4,0*
9.3	*Từ 100 triệu đồng trở lên*	*5,0*
V	**Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định**	8,0
1.	**Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá trong năm 2025, cụ thể:** - Trong năm liền kề (2025) đã tổ chức thành tối thiểu 85 phiên đấu giá tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá - Chỉ chấm điểm cho Tổ chức hành nghề đấu giá đã tổ chức thành trên 85 Phiên đấu giá. *(Tài sản cùng loại căn cứ theo Điểm h Khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc hội đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 16/2023/QH15 ngày 19/6/2023 và Luật số 37/2024/QH15 ngày 27/6/2024)*	3,0
2.	**Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá theo hợp đồng đó, cụ thể:** Trong năm 2024 và 2025, Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá (Cục Quản lý và phát triển thị trường trong nước hoặc Cục Nghiệp vụ Quản lý thị trường trước đây) và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó	2,0
3.	**Có nhiều thời gian, kinh nghiệm thực hiện cuộc đấu giá tài sản bằng hình thức trực tuyến nhất** (Căn cứ theo Quyết định phê duyệt tổ chức đấu giá đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến do Sở Tư pháp cấp) – Chỉ chấm điểm cho tổ chức hành nghề đấu giá có thời gian, kinh nghiệm nhất.	3,0
Tổng số điểm		**100**

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Trong 03 ngày làm việc kể từ ngày phát hành thông báo.

- Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá: Phòng Nghiệp vụ Quản lý thị trường, Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước.

Địa chỉ: Số 91 Đinh Tiên Hoàng, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Điện thoại: 02438255868.

Lưu ý:

- Chỉ nhận hồ sơ nộp trực tiếp, người đến nộp hồ sơ phải có giấy giới thiệu và xuất trình Căn cước công dân.

- Không hoàn trả hồ sơ đối với những đơn vị không được lựa chọn.

Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước thông báo đến các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản biết và đăng ký tham gia lựa chọn./.

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Thanh Bình

Nơi nhận:
- Như trên;
- Cục trưởng;
- Cổng Đấu giá tài sản quốc gia;
- Website Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước;
- Văn phòng Cục;
- Lưu: VT, NV (haptv).